

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25/02/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Thúy

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu - Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/01/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Y, Sinh năm 1996

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Bùi Văn C, Sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa vắng mặt chị Y, anh C (chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Y trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Bùi Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở hai bên tự nguyện, tự do tìm hiểu. Tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ngày 26/12/2016.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng càng tăng nhất từ đầu năm 2019, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không ai quan

tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

- *Về con cái*: Vợ chồng có 01 con chung tên là Bùi Ngọc M, sinh ngày 21/11/2016. Hiện nay cháu M đang ở với chị. Nếu được ly hôn chị xin nuôi con, yêu cầu anh C đóng góp tiền nuôi con chung với chị mỗi tháng 1.000.000đ đến khi con đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản và công nợ*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Bùi Văn C trình bày:

-*Về hôn nhân*: Anh và chị Phạm Thị Y kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu. Tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ngày 26/12/2016.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại gia đình nhà chồng một thời gian. Sau đó vợ chồng chuyển sang gia đình bên ngoại sinh sống. Đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do khó khăn về kinh tế, vợ chồng gửi con cho ông, bà ngoại để chị Y đi làm ăn xa. Sau khi chị Y về nghe thông tin anh có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác nên đã làm đơn xin ly hôn anh tại Tòa án. Nay anh xác định anh vẫn còn tình cảm với chị Y, chị Y làm đơn xin ly hôn anh tại Tòa án, anh không đồng ý.

-*Về con cái*: Vợ chồng có 01 con chung tên là Bùi Ngọc M, sinh ngày 21/11/2016. Hiện nay cháu M đang ở với chị Y; Nếu phải ly hôn anh nhường con cho chị Y nuôi dưỡng, anh sẽ đóng góp tiền nuôi con chung với chị Y mỗi tháng 1.500.000đ đến khi con đủ 18 tuổi.

-*Về tài sản và công nợ*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thu thập chứng cứ tại địa phương: Chị Phạm Thị Y và anh Bùi Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại gia đình nhà chồng thuộc thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm được. Nay chị Y làm đơn xin ly hôn anh C đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: anh, chị có 01 con chung tên là Bùi Ngọc M, sinh ngày 21/11/2016; Nếu anh chị ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản và công nợ: địa phương không nắm được, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của nguyên đơn đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đầy đủ, đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 56; Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Xử cho chị Phạm Thị Y được ly hôn anh Bùi Văn C. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Bùi Ngọc M, sinh ngày 21/11/2016. Hiện nay cháu M đang ở với chị Y. Ly hôn anh, chị thống nhất giao

cháu M cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, anh C tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị Y mỗi tháng 1.500.000đ nên ghi nhận. Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu giải quyết, đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]*Về tố tụng*: Chị Phạm Thị Y và anh Bùi Văn C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Chị Y xin ly hôn anh C tại Tòa án. Đây là quan hệ “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa là đúng theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật, nhưng anh C vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 1, Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]*Về hôn nhân*: Chị Phạm Thị Y, anh Bùi Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ngày 26/12/2016 là Hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị Y là do tính tình vợ chồng không hợp, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng càng tăng nhất từ đầu năm 2019, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Anh C thừa nhận: Nguyên nhân mâu thuẫn là do khó khăn về kinh tế, vợ chồng phải gửi con cho ông, bà ngoại để chị Y đi làm ăn xa. Sau khi về, chị Y đã nghe anh có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác nên đã làm đơn xin ly hôn anh tại Tòa án. Nay anh xác định anh vẫn còn tình cảm với chị Y, chị Y làm đơn xin ly hôn anh tại Tòa án, anh không đồng ý.

Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tạo điều kiện về thời gian cho vợ chồng anh, chị cải thiện tình cảm; tuy nhiên, anh C vẫn không có biện pháp gì để níu kéo được tình cảm giữa vợ, chồng.

Xét thấy, tình cảm giữa vợ chồng anh, chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, anh, chị đã không còn quan tâm, chăm sóc nhau một thời gian dài từ đầu năm 2019 đến nay. Do đó HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị Y.

- *Về con cái*: Vợ chồng có 01 con chung tên là Bùi Ngọc M, sinh ngày 21/11/2016. Ly hôn anh, chị thống nhất chị Y trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, anh C tự nguyện đóng góp tiền nuôi con chung với chị Y mỗi tháng 1.500.000đ đến khi con đủ 18 tuổi. Việc thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung giữa vợ chồng anh,

chị là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[4]*Về tài sản và công nợ*: Anh C, chị Y thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

[5]*Về án phí*: Chị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS. Điều 6; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1, Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 278; Khoản 1 Điều 280 của BLTTDS. Điều 6; điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Y

Xử:

1. *Về hôn nhân*: Chị Phạm Thị Y được ly hôn anh Bùi Văn C
2. *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên là Bùi Ngọc M, sinh ngày 21/11/2016. Ghi nhận sự thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung giữa anh C, chị Y như sau:

Giao cháu M cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, anh C đóng góp tiền nuôi con chung với chị Y mỗi tháng 1.500.000đ. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 3/2022 đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh C có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản và công nợ*: Chị Y, anh C không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

4. *Về án phí*: Chị Y phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 9243 ngày 02/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Chị Y đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh C phải chịu 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Y, anh C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H.Quảng Xương;
- UBND xã Q ; huyện Q ;
- Lưu Hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Lý